

Số: 596 /QĐ-TDĐTĐN

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 6 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH

**Công nhận và cấp chứng chỉ cho học viên hoàn thành chương trình Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính (Hạng II) năm 2022**

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO ĐÀ NẴNG

*Căn cứ Quyết định số 3657/QĐ-BVHTTDL ngày 01/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Đại học TDTT Đà Nẵng;*

*Căn cứ Quyết định số 4062/QĐ-BVHTTDL ngày 23/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch về việc giao nhiệm vụ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức;*

*Căn cứ Thông tư 01/2018/TT-BNV ngày 08/01/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ Hướng dẫn một số điều của Nghị định 101/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức;*

*Căn cứ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Xét đề nghị của Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế,*

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công nhận và cấp chứng chỉ cho 75 học viên hoàn thành chương trình Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, chức danh nghề nghiệp Huấn luyện viên chính (hạng II) năm 2022 tại Trường Đại học TDTT Đà Nẵng (có danh sách kèm theo).

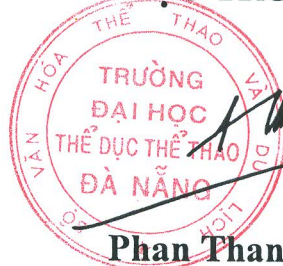
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng Phòng Đào tạo, Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế; Trưởng các đơn vị liên quan và học viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /

#### Nơi nhận:

- Vụ TCCB-Bộ VHTTDL (b/c);
- BGH; CTHĐT;
- Như điều 3;
- Website Trường;
- Lưu VT; ĐT, QLKHHTQT.

HIỆU TRƯỞNG

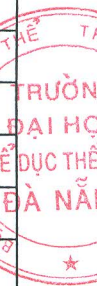


Phan Thanh Hải

**DANH SÁCH HỌC VIÊN HOÀN THÀNH CHƯƠNG TRÌNH VÀ CẤP  
CHỨNG CHỈ BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN NGHIỆP VỤ, CHỨC DANH  
NGHỀ NGHIỆP HUẤN LUYỆN VIÊN CHÍNH (HẠNG II)  
NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 596/QĐ-TĐTĐN ngày 20 tháng 6 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học TĐTĐN Đà Nẵng)

Số TT	Họ	Tên	Sinh ngày	G/T	Lớp	Địa phương
1.	NGUYỄN LÊ TUẤN	ANH	14/08/1993	Nam	A	Khánh Hòa
2.	VÕ DUY	ẤN	01/01/1976	Nam	A	Quảng Ngãi
3.	VƯƠNG QUỐC	BẢO	26/03/1980	Nam	A	Đắk Lắk
4.	HOÀNG THANH	BÌNH	08/11/1987	Nam	A	Đắk Lắk
5.	PHẠM THỊ	BÌNH	10/11/1989	Nữ	A	Quảng Ngãi
6.	NGUYỄN VĂN	CAO	27/08/1982	Nam	A	Đắk Lắk
7.	LÊ ĐỨC	CƯỜNG	12/09/1987	Nam	A	Kon Tum
8.	NGUYỄN	DOLL	16/08/1988	Nam	A	Đắk Lắk
9.	DƯƠNG THỊ THÙY	DUNG	01/05/1982	Nữ	A	Đắk Lắk
10.	PHẠM VIỆT	ĐỨC	10/05/1988	Nam	A	Đắk Lắk
11.	ĐẬU THỊ NGỌC	HÀ	21/06/1988	Nữ	A	Quảng Bình
12.	LÊ THỊ	HẠNH	12/10/1982	Nữ	A	Nghệ An
13.	VŨ THẾ	HỆ	02/05/1979	Nam	A	Đà Nẵng
14.	NGUYỄN NGỌC	HIẾU	02/02/1987	Nam	A	Đắk Lắk
15.	TRẦN ĐÌNH	HUẾ	28/04/1982	Nam	A	Quảng Bình
16.	PHẠM XUÂN	HUY	21/01/1987	Nam	A	Đắk Lắk
17.	NGUYỄN HỮU	KHA	21/08/1983	Nam	A	Quảng Ngãi
18.	VÕ TẤN	LỰC	20/10/1983	Nam	A	Quảng Ngãi
19.	DƯƠNG VĂN	MẠNH	01/11/1965	Nam	A	Quảng Bình
20.	LÊ THANH	MINH	02/04/1979	Nam	A	Quảng Bình
21.	NGUYỄN THỊ	NGA	01/09/1985	Nữ	A	Đắk Lắk
22.	LÊ VĂN	NGÂN	02/01/1979	Nam	A	Đà Nẵng
23.	LÊ VĂN	NGỌC	17/02/1979	Nam	A	Ninh Bình
24.	NGUYỄN TẤN	PHÚC	26/03/1980	Nam	A	Kon Tum
25.	CAO THỊ TÝ	PHƯỢNG	24/04/1985	Nữ	A	Quảng Ngãi
26.	NGUYỄN VĂN	SƠN	30/12/1971	Nam	A	Quảng Bình
27.	TRƯƠNG VĂN	TÁNH	20/08/1968	Nam	A	Kon Tum
28.	TRẦN VIỆT	TIẾN	09/12/1989	Nam	A	Đắk Lắk
29.	CAO HOÀNG	TÍN	22/09/1988	Nam	A	Đắk Lắk
30.	LÝ PHƯỚC	TOÀN	01/09/1982	Nam	A	Quảng Nam
31.	BÙI DUY	TUẤN	09/05/1985	Nam	A	Nghệ An



Số TT	Họ	Tên	Sinh ngày	G/T	Lớp	Địa phương
32.	CAO THANH	TUẤN	20/09/1986	Nam	A	Kon Tum
33.	HÀ MINH	TUẤN	08/03/1985	Nam	A	Nghệ An
34.	TRẦN VĂN	THANH	19/01/1985	Nam	A	Đà Nẵng
35.	NGUYỄN DUY	THÀNH	08/02/1986	Nam	A	Đắk Lắk
36.	NGUYỄN ĐÌNH	THÀNH	16/10/1987	Nam	A	Quảng Ngãi
37.	NINH ĐỨC	THU	15/10/1980	Nam	A	Ninh Bình
38.	HỒ THỊ MINH	THUẬN	08/03/1983	Nữ	A	Nghệ An
39.	NGUYỄN TRỌNG	VỸ	20/09/1991	Nam	A	Kon Tum
40.	ĐOÀN NGỌC	ANH	23/09/1990	Nam	B	Đồng Nai
41.	VŨ VIỆT	ANH	20/04/1989	Nam	B	Kiên Giang
42.	PHẠM THÀNH	CÔNG	08/08/1978	Nam	B	Tây Ninh
43.	HUỖNH QUỐC	CHẤN	22/02/1990	Nam	B	Cà Mau
44.	PHAN VĂN	DŨNG	12/06/1987	Nam	B	Đồng Nai
45.	HUỖNH ANH	DUY	06/11/1987	Nam	B	Kiên Giang
46.	ĐẶNG PHẠM HOÀNG	GIANG	12/01/1991	Nam	B	Đồng Nai
47.	NGUYỄN HỒNG DUY	HẢI	23/08/1987	Nam	B	Tây Ninh
48.	HỒ THANH	HẰNG	30/10/1991	Nữ	B	Tp.Hcm
49.	MAI TÔN	HIẾN	08/12/1985	Nam	B	Bạc Liêu
50.	TRẦN ANH	HUY	28/02/1978	Nam	B	Đồng Tháp
51.	NGUYỄN HOÀNG	LAM	15/07/1986	Nam	B	Bến Tre
52.	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	24/08/1991	Nữ	B	Đắk Nông
53.	MAI HỒ QUỐC	LÂM	17/03/1986	Nam	B	Vĩnh Long
54.	VŨ NGỌC	LÂM	25/10/1988	Nam	B	Kiên Giang
55.	NGUYỄN THÀNH	LONG	29/05/1976	Nam	B	Đồng Nai
56.	TỬ HOÀNG	LONG	24/02/1984	Nam	B	Kiên Giang
57.	PHẠM VĂN	LỘC	05/03/1985	Nam	B	Bến Tre
58.	PHAN VIỆT	LŨU	01/11/1985	Nam	B	Đồng Nai
59.	NGUYỄN VĂN	MINH	22/04/1979	Nam	B	Tây Ninh
60.	LÊ VĂN	MỘC	06/08/1989	Nam	B	Kiên Giang
61.	DƯƠNG LÂM	NGÂN	02/11/1984	Nữ	B	Tây Ninh
62.	ĐỖ NGỌC	NHÃ	06/09/1982	Nam	B	Đắk Nông
63.	LÊ HỒNG	PHÚC	22/02/1985	Nam	B	Tây Ninh
64.	NGUYỄN ĐÌNH	QUỐC	26/05/1979	Nam	B	Đồng Nai
65.	ĐIỀU VĂN	SANG	20/02/1984	Nam	B	Đồng Nai
66.	VÕ MINH	TÂM	27/09/1986	Nam	B	Cần Thơ
67.	NGUYỄN TRỌNG	TIẾN	23/11/1982	Nam	B	Đắk Nông

Số TT	Họ	Tên	Sinh ngày	G/T	Lớp	Địa phương
68.	BÙI MINH	TUẤN	25/08/1986	Nam	<b>B</b>	Đồng Nai
69.	VÕ ĐỨC	THANH	25/12/1990	Nam	<b>B</b>	Đắk Nông
70.	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẢO	01/09/1987	Nữ	<b>B</b>	Cần Thơ
71.	PHẠM HỒNG	THẮNG	25/08/1983	Nam	<b>B</b>	Đắk Nông
72.	NGUYỄN THỊ HỒNG	THUẬN	01/09/1987	Nữ	<b>B</b>	Cần Thơ
73.	NGUYỄN BÁ	TRƯỜNG	16/07/1977	Nam	<b>B</b>	Tây Ninh
74.	NGUYỄN THỊ TRÚC	UYÊN	27/07/1983	Nữ	<b>B</b>	Bến Tre
75.	TRẦN THANH	VŨ	11/12/1981	Nam	<b>B</b>	Đồng Tháp

Danh sách lớp A có 39 học viên, lớp B có 36 học viên./.

